

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Huyện K - Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày: 24/7/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Đức Bính.

2. Ông Vũ Xuân Dự.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K - Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh T, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2019/HSST ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 10/7/2019 đối với bị cáo :

Họ và tên: **Đoàn Văn H**, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Dương thị Á; có vợ là Nguyễn Thị Kim N và 03 con; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2019, chuyển tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 04/3/2019(có mặt).

+ Những người bị hại:

- Ông Trần Hồng S, sinh năm 1970; Trú tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1979; Trú tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; Trú tại xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Anh Vũ Văn P, sinh năm 1982; Trú tại xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Chị Vũ Thị L, sinh năm 1988; Trú tại xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lâm Văn T, sinh năm 1993; trú tại phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1968; trú tại phố 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1972; trú tại phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Anh Vũ Huy C, sinh năm 1983; trú tại xóm Bắc Lộc, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Lại Quang T, sinh năm 1969; trú tại phố B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Ngô Đức Q, sinh năm 1963; trú tại phố 1A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Người làm chứng: Anh Trần Văn H, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn K, anh Lê Văn T, bà Trần Thị L, anh Phan Văn N, anh Trần Văn M, ông Bùi Quang Đ, ông Trần Đình Đ, bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Kim N (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Do là người sử dụng trái phép chất ma túy nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 01/3/2019, Đoàn Văn H đi đến khu vực xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây H gặp người đàn ông không quen biết và mua được của người này 07 gói ma túy với giá 500.000đ sau đó đi nhờ xe mô tô của người đi đường xuống xóm 10, xã Y thuê phòng 205 nhà nghỉ T để nghỉ. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày khi H lấy bật lửa ga và 07 gói ma túy ra cầm ở tay định sử dụng thì bị công an huyện K và công an xã Y kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên tay bị

cáo 07 gói nhỏ, gồm 3 gói được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng và 4 gói được gói ngoài bằng giấy màu trắng, bị cáo khai nhận đó là 07 gói hê rô in bị cáo vừa mua để sử dụng cho bản thân. Cơ quan công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo và khám xét thu giữ trên người bị cáo số tiền 4.336.000đ. Kiểm tra bên trong 07 gói nhỏ thu giữ của bị cáo là chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định trọng lượng các gói lần lượt có khối lượng là 0,07 gam (ký hiệu M1); 0,10 gam (ký hiệu M2); 0,11g (ký hiệu M3); 0,14 gam (ký hiệu M4); 0,06 gam (ký hiệu M5); 0,08 gam (ký hiệu M6); 0,10 gam (ký hiệu M7) gửi toàn bộ đi giám định.

Bản kết luận giám định số 112/KLGD-PC09-MT ngày 04/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi tới giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,0824 gam, M2 có 0,0984 gam, M3 có 0,1095 gam, M4 có 0,1341 gam, M5 có 0,0660 gam, M6 có 0,0636 gam, M7 có 0,0980 gam, tổng khối lượng chất bột dạng cục màu trắng trong 07 mẫu giám định là 0,6520 gam đều là chất ma túy, loại hê rô in.

Quá trình điều tra bị cáo Đoàn Văn H khai nhận số tiền dùng để mua hê rô in là do bị cáo trộm cắp xe mô tô của người khác đem cầm đi cố mà có. Từ tháng 10 năm 2018 đến khi bị tạm giữ 01/3/2019 bị cáo đã 5 lần liên tục thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt 05 xe mô tô các loại cụ thể như sau:

Lần thứ nhất ngày 15/10/2018 bị cáo đi xe Bus từ nhà đến thị trấn P, lúc khoảng 10 giờ cùng ngày khi bị cáo đi trên bờ đê sông Vạc đến gần khách sạn K, thuộc phố T, thị trấn P thấy xe mô tô Honda Blade BKS 35K1-208.04 của ông Trần Hồng S đang để ở mé sông V, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, không thấy ai trông coi, bị cáo đã lấy trộm xe chạy dọc theo bờ đê sông V, khi đến khu vực ruộng lúa thuộc xóm 3, xã K bị cáo dừng lại mở cốp thấy bên trong có 01 thẻ căn cước công dân, 01 đăng ký xe đều mang tên Trần Hồng S và số tiền 15.000.000đ. Bị cáo lấy số tiền và đăng ký xe mô tô bỏ vào túi còn thẻ căn cước vứt xuống ruộng. Thấy ở sườn xe có một túi đựng đồ nghề sửa điện gồm máy khoan dùng pin, kìm cắt điện, tua vít đa năng và kích căng dây cáp, bị cáo vứt túi đồ nghề này xuống ruộng rồi điều khiển xe đến thị trấn Y bán xe mô tô cho anh Lâm Văn T với giá 6.000.000đ, sau đó mua hê rô in sử dụng và tiêu dùng cá nhân hết. Ngày 22/10/2018 bị cáo đến nhà anh T đòi thêm tiền vì cho rằng giá bán xe hôm trước rẻ và được anh T trả thêm 1.500.000đ. Chiếc xe mô tô trên anh T đi một thời gian và đã bán lại cho ông Phạm Văn Đ ở thị trấn Y với giá 11.000.000đ. Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/HĐ ĐG ngày 31/3/2019 kết luận: chiếc xe mô tô Honda Blade BKS 35K1-208.04 tại thời điểm bị xâm hại ngày 15/10/2018 có giá trị còn lại là 18.270.000đ; Tại bản kết luận định giá số 19/HĐ ĐG ngày 13/5/2019 kết luận: máy khoan cầm tay dùng pin loại 12v do Nhật Bản sản xuất có giá trị còn lại là 2.299.000đ; 01 kìm cắt dây điện do Nhật Bản sản xuất có giá trị còn lại là 712.500đ; 01 tua vít đa năng hai chiều tự động do Nhật bản sản xuất có giá

trị còn lại là 408.500đ và 01 kích căng dây thép loại kéo 1,5 tấn do Việt Nam sản xuất có giá trị còn lại là 2.375.000đ, tổng cộng giá trị của số tài sản trên là 5.795.000đ.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 02/11/2018, khi đi đến khu vực trước nhà anh Nguyễn Anh T ở phố T, thị trấn P, bị cáo nhìn thấy xe mô tô Honda Future BKS 35K1-098.27 của anh T đang để trước cửa ra vào, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe, quan sát không thấy ai, bị cáo đã lấy trộm xe và đến ngày 26/01/2019 đưa đến hàng cầm đồ của ông Hoàng Văn T ở phố T, thị trấn P cầm cố lấy số tiền 5.000.000đ sau đó tiêu sài hết. Tại bản kết luận định giá số 12/HĐ ĐG ngày 24/3/2019 kết luận chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị xâm hại có giá trị còn lại là 16.920.000đ.

Lần thứ ba: Tối ngày 26/01/2019 bị cáo đi xe Bus từ nhà xuống huyện K. Khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo vào quán ăn của chị Nguyễn Thị H ở xóm 7, xã T, quan sát thấy chiếc xe mô tô Honda vision BKS 18B1-817.04 của chị H đang dựng trước cửa ra vào quán, chìa khóa xe để trên quầy thanh toán tiền. Lợi dụng sơ hở không ai để ý, bị cáo lấy chùm chìa khóa và trộm xe mô tô trên đem đến quán cầm đồ của ông Lại Quang T ở phố B, thị trấn Y, huyện Y, cầm cố lấy 4.000.000đ sau đó tiêu sài hết. Bản kết luận định giá số 13/HĐ ĐG ngày 28/3/2019 kết luận chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị xâm hại có giá trị còn lại là 27.200.000đ.

Lần thứ tư: chiều ngày 20/02/2019 bị cáo đi xe Bus từ nhà đến xã Y, huyện K. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi đến gần khu vực cầu C và cầu S thuộc xóm 11, xã Y, huyện K, quan sát thấy chiếc xe mô tô Honda Wave RS, BKS 35K1-014.83 của anh Vũ Văn P đang để ở trước cửa nhà, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, không có ai trông coi, bị cáo đã lấy trộm và đến ngày 24/02/2019 đem xe trên giao cho anh Vũ Huy C ở xóm Bắc Lộc, xã Y, huyện Y để anh C quản lý sử dụng vì trước đó bị cáo có vay anh C 6.000.000đ chưa trả được. Bản kết luận định giá số 15/HĐ ĐG ngày 03/4/2019 kết luận chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị xâm hại có giá trị còn lại là 4.260.000đ.

Lần thứ năm: Sáng ngày 01/3/2019 bị cáo đi bộ từ xã L đến xóm 5, xã T, huyện K để tìm tài sản trộm cắp. Khoảng 7 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến trước cổng ra vào cửa hàng bán thuốc tân dược của chị Vũ Thị L, phát hiện thấy chiếc xe Honda Ailblade, BKS 29Y1-071.47 của chị L để ở trong sân, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe, bị cáo đã lấy trộm đưa đến thị trấn Y cầm cố cho ông Ngô Đức Q là chủ cửa hàng sửa chữa xe mô tô lấy 5.500.000đ, sau đó dùng số tiền trên mua hê rô in rồi vào nhà nghỉ T ở xóm 10, xã Y, huyện K mục đích để sử dụng chất ma túy. Đến 13 giờ 45 phút cùng ngày thì bị công an K bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản kết luận định giá số 06/HĐ ĐG ngày 06/3/2019 kết luận chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị xâm hại có giá trị còn lại là 12.000.000đ.

Cơ quan công an đã thu giữ 05 xe mô tô do bị cáo trộm cắp và một số giấy tờ xe từ các chủ xe và từ những người đã cho bị cáo cầm cố các xe trên. Riêng bộ đồ nghề sửa chữa điện mà bị cáo trộm cắp của anh S cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 20/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Đoàn Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 và tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b , c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng nêu trên và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đoàn Văn H phạm các tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy ” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Văn H từ 21 đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b , c khoản 2 điều 173; điểm r, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đoàn Văn H từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành cả hai tội từ 57 – 66 tháng tù.

Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền đã chiếm đoạt;

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo Đoàn Văn H hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai nhận bản thân là người sử dụng ma túy từ đầu năm 2018, bị cáo thường đi lang thang không nghề nghiệp và để có tiền phục vụ cho nhu cầu tiêu sài của bản thân và sử dụng ma túy, trong khoảng thời gian từ giữa tháng 10/2018 đến khi bị bắt vào ngày 01/3/2019 bị cáo đã liên tục 5 lần trộm cắp 05 chiếc xe mô tô của những người bị hại trên địa bàn huyện K đem đi bán và cầm cố để lấy tiền phục vụ nhu cầu sinh sống, tiêu sài và mua hê rô in sử dụng cho bản thân. Lần cuối cùng trước khi bị bắt là sáng ngày 01/3/2019 bị cáo trộm cắp xe mô tô của chủ cửa hàng bán thuốc tân được ở xóm 5, xã T huyện K sau đó đưa lên thị trấn Y cầm cố cho chủ cửa

hàng sửa chữa xe mô tô lấy 5.500.000đ, đến buổi trưa cùng ngày bị cáo quay lại khu vực xóm 1, xã Đồng H, huyện K mua được của một người đàn ông không quen biết 07 gói nhỏ hê rô in với giá 500.000đ đưa đến nhà nghỉ T ở xóm 10 xã Y, đang chuẩn bị sử dụng thì bị công an huyện K và công an xã Y phát hiện, thu giữ 07 gói nhỏ hê rô in bị cáo mới mua chưa kịp sử dụng và thu giữ số tiền còn lại hơn 4.000.000đ là tiền do bị cáo cầm cố xe mô tô trộm cắp mà có, đồng thời bị cáo cũng đã tự khai nhận về các hành vi trộm cắp trước đó của mình.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ các xe mô tô cùng các giấy tờ xe mà bị cáo trộm cắp là tang vật của vụ án và biên bản niêm phong vật chứng, biên bản cân xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định, kết luận giám định 07 gói bột thu giữ của bị cáo.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đoàn Văn H là người không có nghề nghiệp, thường đi lang thang lấy việc trộm cắp tài sản của người khác để làm nguồn nuôi sống bản thân và trong khoảng thời gian từ ngày 15/10/2018 đến ngày 01/3/2019 bị cáo đã 5 lần liên tục trộm cắp tài sản của người khác, giá trị tài sản mỗi lần trộm cắp trên 2.000.000đ, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 99.445.000đ, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 và với hành vi cất giấu trong người 0,6520gam Hêrôin nhằm mục đích để sử dụng, bị cáo Đoàn Văn H đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ và xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất ma túy. Bị cáo phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 và trộm cắp tài sản với 02 tình tiết định khung theo khoản 2 Điều 173BLHS, vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo trước pháp luật, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do bị cáo phạm nhiều tội vì vậy cần áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm về cả hai tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng: đối với tội trộm cắp tài sản, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Riêng tình tiết có tính chất chuyên nghiệp đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo; Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo khai báo thành khẩn về cả hai tội; Quá trình giải quyết vụ án bị cáo

đã tự thú về các hành vi trộm cắp trước đó, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại một số tài sản cho những người bị hại, những người bị hại đã được nhận lại tài sản đầy đủ nên không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường; Riêng số tiền 15.000.000đ của ông Trần Hồng S để trong cốp xe bị cáo trộm cắp đã tiêu sài hết và bộ đồ nghề sửa chữa điện của ông S trị giá 5.795.000đ bị cáo vứt xuống ruộng lúa ở khu vực xóm 3, xã K không tìm lại được, tổng giá trị cả tiền và đồ vật của ông S bị thiệt hại là 20.795.000đ, nay cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông S. Đối với số tiền bị cáo bán và cầm cố các xe mô tô trộm cắp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bị cáo đã tiêu sài hết, đây là quan hệ giao dịch dân sự bất hợp pháp nhưng ngay tình vì những người nhận mua và cầm cố các xe mô tô không biết các xe mô tô trên là do bị cáo trộm cắp mà có, sau này họ đã giao lại các xe mô tô trên cho cơ quan điều tra để trả lại cho những người bị hại, vì vậy cần buộc bị cáo H phải trả lại số tiền đã nhận từ những người đã mua và nhận cầm cố các xe mô tô do trộm cắp từ bị cáo bao gồm anh Lâm Văn T số tiền 7.500.000đ, ông Hoàng Văn T 5.000.000đ, ông Lại Quang T 4.000.000đ, ông Ngô Đức Quế số tiền 5.500.000đ. Riêng số tiền ông Phạm Văn Đ mua lại xe của anh Lâm Văn T với giá 11.000.000đ, nay anh T đã trả cho ông Đ 8.000.000đ, còn thiếu 3.000.000đ nhưng do ông Đ không đề nghị Tòa án giải quyết vì vậy giữa ông Đ và anh T tự giải quyết với nhau. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường và hoàn trả là 42.795.000đ; đã thu giữ từ bị cáo số tiền 4.336.000đ ; bị cáo còn phải bồi thường và hoàn trả số tiền là 38.459.000đ.

[5] Về nguồn gốc Hêrôin: bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 50 tuổi ở khu vực xóm 1, xã Đồng H, bị cáo không quen biết người đó, có gặp lại cũng không nhận dạng được vì vậy cơ quan điều tra Công an huyện K không đủ cơ sở để điều tra.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Số tiền 4.336.000đ thu giữ từ bị cáo là tiền do bị cáo cầm cố xe trộm cắp mà có nay bị cáo phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền đã cầm cố xe cho người nhận cầm cố vì vậy cần tiếp tục quản lý số tiền trên để đảm bảo thi hành án về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo; đối với 01 chiếc áo phong dạng áo nam giới ngắn tay màu đỏ, cổ áo viền trắng và 01 mũ vải của nam giới dạng mũ lưỡi trai màu đen cùng 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đoàn Văn H, đây là giấy tờ tùy thân và đồ dùng sinh hoạt riêng của bị cáo vì vậy cần trả lại cho bị cáo. Riêng 01 chứng minh nhân dân mang tên Đoàn Văn H, do bị cáo đã làm thẻ căn cước công dân nhưng không nộp lại chứng minh thư cho cơ quan công an vì vậy cần tịch thu chứng minh thư trên cho tiêu hủy.

Vật chứng còn lại gồm 01 phong bì ghi số 112/KLGD-PC09-MT bên trong có vật chứng còn lại sau giám định cùng vỏ niêm phong; 01 phong bì niêm phong,

bên trong có vỏ gói ngoài các gói nhỏ và vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 bật lửa ga màu đỏ đã cũ; 01 phong bì niêm phong vỏ các gói nhỏ khi bắt quả tang bị cáo và vỏ phong bì niêm phong ban đầu, đây là những vật không còn giá trị sử dụng, vật nhà nước cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 21 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 39 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đoàn Văn H phải chấp hành hình phạt của cả hai tội là 60 tháng tù. thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 01/3/2019.

+ Áp dụng Điều 42 BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và làm thiệt hại, bao gồm: ông Trần Hồng S số tiền 20.795.000đ; ông Hoàng văn T 5.000.000đ; anh L Văn T 7.500.000đ, ông Lại Quan T 4.000.000đ và ông Ngô Đức Q số tiền 5.500.000đ.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc áo phong dạng áo nam giới ngắn tay màu đỏ, cổ áo viền trắng dán nhãn ghi chữ “SIMPLRBOYS” và 01 mũ vải của nam giới dạng mũ lưỡi trai màu đen, phần phía trước mũ thêu chữ “Supreme” cùng 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đoàn Văn H do cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 21/4/2017;

- Tiếp tục quản lý số tiền 4.336.000đ thu giữ từ bị cáo để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 phong bì ghi số 112/KLGD-PC09-MT có chữ “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” trên giáp lai có chữ ký xác nhận của đại diện bên giao, bên nhận và đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Ninh Bình,

bên trong có vật chứng còn lại sau giám định cùng vỏ niêm phong; 01 phong bì niêm phong, trên phong bì có dấu niêm phong và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, bên trong có vỏ gói ngoài các gói nhỏ và vỏ phong bì niêm phong ban đầu; 01 bột lửa ga màu đỏ đã cũ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Đoàn Văn H do công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 07/01/2015.

+ Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.923.000đ án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không thanh toán khoản tiền phải trả nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã Y, Y;
- Bị cáo, người bị hại, liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Mạnh

(Đã ký)